

Chiến lược hải quân của Trung Quốc tại biển Đông qua lý thuyết của Alfred Thayer Mahan

Tác giả: Nguyễn Thế Phương¹

*Bản thảo đầu tiên, xin đừng trích dẫn. Tác giả mong muốn nhận được các phê bình và
phản biện*

¹ Nguyễn Thế Phương là nghiên cứu viên tại Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế (SCIS), Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TpHCM. Chuyên ngành nghiên cứu của Thế Phương tập trung vào quan hệ quốc tế và chiến lược quốc phòng của các cường quốc ở Châu Á – Thái Bình Dương. Từ năm 2012, Thế Phương xuất bản các bài viết trên [E-International Relations](#); *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*; *Tạp*

1. Dẫn nhập

Sự trỗi dậy của hải quân Trung Quốc (PLAN) tại biển Đông nói chung và khu vực Tây Thái Bình Dương nói riêng đang trở thành một đề tài nóng. Quá trình này không phải ngẫu nhiên xuất hiện, mà có một sự nhận thức kỹ càng về mặt chiến lược. Quan sát quá trình phát triển chiến lược hải quân Trung Quốc kể từ năm 1949, đi kèm với đó là quá trình xây dựng năng lực hải quân, vai trò ngày càng lớn của lực lượng này trong tổng thể chiến lược biển của Trung Quốc được hoạch định có hệ thống. Từ một lực lượng ban đầu chỉ gồm vài ba tàu tuần tra cũ, ngày nay PLAN đã trở thành lực lượng hải quân hàng đầu châu Á, xét về mặt số lượng tàu chiến và chi phí dành cho quốc phòng. Hiện tại, năng lực kiểm soát và tác chiến của PLAN đã mở rộng ra bên ngoài chuỗi đảo thứ nhất, với một sự chuyển dịch chiến lược từ “phòng thủ chủ động biển gần” sang “tác chiến phòng thủ biển xa”. Diễn đạt cách khác là dịch chuyển từ phòng thủ sang vừa phòng thủ vừa tấn công trên một phạm vi địa lý rộng lớn hơn.

Biển Đông là một bộ phận địa lý quan trọng trong chiến lược “phòng thủ chủ động biển gần”. Đây cũng là tác nhân gây tranh chấp chính giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng Đông Nam Á. Hiểu và phân tích được chính sách hải quân của Trung Quốc đặc biệt tại vùng này là quan trọng để hiểu được đại chiến lược của nước này. Bài viết mong muốn cung cấp t một góc nhìn trong tranh luận về chiến lược hải quân của Trung Quốc tại biển Đông thông qua áp dụng lý thuyết quyền lực biển của Alfred Thayer Mahan, một chiến lược gia hải quân người Mỹ.

Nghiên cứu về lý thuyết của Alfred T. Mahan là cần thiết để có thể hiểu rõ hơn về hải quân Trung Quốc tại biển Đông bởi ba lý do: (1) các công trình của Mahan chủ yếu khảo cứu sự trỗi dậy của các cường quốc biển hàng đầu trong lịch sử thế giới; (2) Trung Quốc, thông qua các chính sách của mình, có tham vọng từ một cường quốc lục địa trở thành một cường quốc hải dương; và (3) các chiến lược gia và học giả Trung Quốc đã nói nhiều về Mahan, chứng tỏ ảnh hưởng đáng ghi nhận của Mahan tại quốc gia này. Với biển Đông giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược “phòng thủ chủ động biển gần”, quá trình hiện đại hoá và những hành vi của Trung Quốc gần đây đã phần nào phản ánh các tư tưởng của Alfred T. Mahan. Thông qua khung lý thuyết này, những bước đi gần đây của Trung Quốc tại biển Đông có thể được giải thích một cách chi tiết. Tác giả cũng đồng thời mong muốn nêu lên một số hạn chế nhất định trong lý thuyết của Mahan.

Bài viết được chia làm bốn phần nội dung chính. Phần thứ nhất đề cập tới tầm quan trọng của việc nghiên cứu lý thuyết của Mahan liên quan tới chiến lược hải quân của Trung Quốc tại biển Đông. Phần thứ hai nêu lên một số quan điểm lý thuyết của Mahan và trong phần thứ ba, tác giả sẽ áp dụng các lý thuyết đã nêu để làm rõ hơn những chuyển động về mặt chiến lược mà Bắc Kinh đã và đang áp dụng ở biển Đông. Phần cuối cùng, những thiếu sót trong lý thuyết của Mahan sẽ được chỉ ra nhằm đưa lại một góc nhìn hoàn thiện hơn cho cách tiếp cận này.

2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu Mahan tại biển Đông

Trước hết, tại sao nghiên cứu về lý thuyết quyền lực biển của Alfred T. Mahan là quan trọng để hiểu rõ chiến lược hải quân của Trung Quốc? Thứ nhất, Mahan đã nghiên cứu sự trỗi dậy của các cường quốc biển hàng đầu trong lịch sử, mà tiêu biểu là Hà Lan, Tây Ban Nha, Pháp và Anh. Trong tác phẩm nổi tiếng nhất của mình *Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783*, Mahan đưa ra những phân tích về lý do tại sao Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha lại suy tàn để nhường chỗ cho Anh và Hà Lan. Áp dụng những thành tố sức mạnh biển trong lý thuyết của mình, Mahan nêu lên những đặc trưng về địa lý, tính chất dân tộc hay đặc trưng chính phủ vốn giúp cho Anh và Hà Lan trở thành những cường quốc biển vững mạnh và có tầm ảnh hưởng lớn. Toàn bộ quá trình vận động đi lên và đi xuống của các cường quốc kể trên từ thế kỷ 17 cho đến đầu thế kỷ 19 được Mahan tóm tắt. Ông cũng nêu lên nhiều ví dụ sinh động chứng minh cho các lập luận của mình thông qua các trận hải chiến. Bên cạnh đó, lý thuyết của Mahan sau này đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên chiến lược hải quân của nhiều cường quốc khác, đặc biệt là Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản và Nga.

Thứ hai, với sức mạnh kinh tế và quân sự đang trỗi dậy mạnh mẽ ở Tây bán cầu, Trung Quốc có tham vọng trở thành một cường quốc biển hàng đầu. Trung Quốc hiện nay phụ thuộc rất nhiều vào biển cả, đặc biệt là về thương mại và năng lượng.² Vào năm 2013, trong một cuộc họp với Cục chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng bí thư Tập Cận Bình đã nhấn mạnh rằng “biển và đại dương có vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của quốc gia và sự tiến lên của dân tộc”, và “Trung Quốc cần phải tăng cường phát triển công nghệ hàng hải tiên tiến với mục đích biển đất

² Cheng, Dean, “Sea Power and the Chinese State: China’s Maritime Ambitions”, *The Heritage Foundation*, 11/7/2011, http://www.heritage.org/research/reports/2011/07/sea-power-and-the-chinese-state-chinas-maritime-ambitions#_ftn3. Truy cập 13/5/2015.

nước trở thành một cường quốc biển”.³ Cũng trong năm 2013, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã họp để thảo luận về chiến lược biển, và Chủ tịch Tập cũng đã phát biểu rằng “Chúng ta cần làm nhiều hơn nữa để giành lấy lợi ích trên biển, hiểu được biển cả, và kiểm soát biển cả một cách chiến lược, tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường các nỗ lực của Trung Quốc trong quá trình trở thành một cường quốc hải dương”.⁴ Các quan chức nhà nước, các nguồn tin bán chính thống và các ấn phẩm của hải quân sau đó đã thường xuyên trích dẫn khái niệm “kiểm soát biển cả một cách chiến lược” (战略海洋) như là hòn đá tảng trong lối suy nghĩ chiến lược của Tập Cận Bình.⁵

Thứ ba, lý thuyết của Alfred Thayer Mahan có ảnh hưởng khá lớn ở Trung Quốc. Tư duy chiến lược về sức mạnh biển của Trung Quốc được cho là chủ yếu tới từ Mahan.⁶ Thậm chí, các tác phẩm về sức mạnh biển khác như của sử gia hải quân người Anh Julian Corbett mãi tới năm 2010 mới nhận được sự chú ý của giới học giả, trong khi bản in hoàn chỉnh đầu tiên của cuốn sách *Ảnh hưởng của sức mạnh biển trong lịch sử* đã được nhà xuất bản quân đội Trung Quốc phát hành vào năm 1998.⁷ Quá trình phát triển của hải quân Trung Quốc cũng phần nào mang hình bóng của Mahan, đặc trưng nhất là việc xây dựng một lực lượng hải quân hiện đại, hùng mạnh để có thể bảo vệ lợi ích của Trung Quốc trên biển cả.

Cũng giống như Mahan, các chiến lược gia Trung Quốc nhấn mạnh tới mối liên kết giữa hai yếu tố thương mại và hải quân. Thiếu tướng Jiang Shiliang, cựu Tổng cục trưởng Tổng cục hậu cần cho rằng Trung Quốc phải kiểm soát bằng được các tuyến đường biển chiến lược.⁸ Nhiều nhà phân tích khác cũng đã trích dẫn Mahan khi nhắc tới giá trị chiến lược của Đài Loan, của chuỗi đảo thứ nhất, của đảo Guam và các căn cứ quân sự khác

³ Xinhua News, “Xi advocates efforts to boost China’s maritime power”, 31/7/2013, http://news.xinhuanet.com/english/china/2013-07/31/c_132591246.htm. Truy cập 13/5/2015.

⁴ China’s Daily, “习近平在中共中央政治局第八次集体学习时强调: 进一步关心海洋认识海洋经略海洋推动海洋强国建设不断取得新成就” [Chủ tịch Tập Cận Bình tại Hội nghị tập huấn của Bộ Chính trị Đảng cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh: Thúc đẩy sự nghiệp xây dựng cường quốc hải dương không ngừng đạt được thành tựu mới], August 1, 2013, http://paper.people.com.cn/rmrb/html/2013-08/01/nw.D110000renmrb_20130801_2-01.htm. Truy cập 13/5/2015.

⁵ Martinson, D. Ryan, “Jinglue Haiyang: The Naval Implications of Xi Jinping’s New Strategic Concept”, *China Brief Volume: 15, Issue: 1*, The Jamestown Foundation, 9/1/2015, http://www.jamestown.org/programs/chinabrief/single/?tx_ttnews%5Btt_news%5D=43375&cHash=5717d3667effcc4216b825313bd9b0a7#.VVLEM_RFJ24. Truy cập 13/5/2015.

⁶ Wang, Dong, “The Evolution of China’s Concept of Sea Power and Maritime Strategy”, bài trình bày tại the *Maritime Security Challenge Conference*, Victoria, Canada, 2014, <http://www.msconference.com/wp-content/uploads/2014/10/MS2014-Wang-Evolution-of-PRC-Mar-Strat.pdf>. Truy cập 13/5/2015.

⁷ Wang, Dong, tldd.

⁸ Shiliang, Jiang, “The Command of Communications”, *Zhongguo Junshi Kexue*, 2/10/2002, pp 106-14.

của Hoa Kỳ nằm trên chuỗi đảo thứ hai.⁹ Một ví dụ khác, Giáo sư Liu Zhongmin đến từ Đại học Khoa học Hải dương Trung Quốc, đã viết một chuỗi bài gồm ba phần tập trung vào phân tích một cách toàn diện về quan điểm của Mahan trên nhiều khía cạnh, đặc biệt là mối quan hệ giữa lý thuyết sức mạnh biển trong đảm bảo dòng chảy thương mại trong thời bình.¹⁰ Tuy nhiên, James Holmes và Toshi Yoshihara từ Đại học Hải chiến Hoa Kỳ, thông qua khảo sát các bài nghiên cứu của Trung Quốc, cho rằng các học giả nước này vẫn chưa khai thác hết tiềm năng và ứng dụng từ lý thuyết của Mahan. Hai tác giả này đưa ra hai giả thuyết cho tương lai.¹¹ Thứ nhất, các học giả Trung Quốc sẽ vẫn tiếp tục đào sâu nghiên cứu về lý thuyết quyền lực biển của Mahan, ngoài khía cạnh hải chiến đơn thuần. Thứ hai, các học giả hải quân sẽ sử dụng học thuyết của Mahan như một cách thức nhằm vận động cho việc xây dựng một lực lượng hải quân mạnh mẽ, đắt tiền, ứng dụng công nghệ cao. Trong cả hai kịch bản, lý thuyết quyền lực biển của Mahan đều đóng một vai trò trung tâm trong nghiên cứu về lực lượng hải quân Trung Quốc trong tương lai.

Tiếp theo, tại sao tác giả lại tập trung vào tìm hiểu chiến lược của Trung Quốc tại biển Đông? Thứ nhất, biển Đông là một bộ phận quan trọng trong chiến lược hải quân tổng thể của nước này. Một trong hai nhiệm vụ hiện nay của hải quân Trung Quốc là đảm bảo “phòng thủ chủ động tại những vùng biển gần”. Được khởi động bởi chính Đặng Tiểu Bình năm 1979 và hoàn thiện bởi Đô đốc Lưu Hoa Thanh¹², “phòng thủ chủ động tại vùng biển gần” (积极防御, 近海作战) bao trùm toàn bộ chuỗi đảo thứ nhất (từ quần đảo Kuril, qua Nhật Bản, quần đảo Ryukyu, Đài Loan, Philippines tới đảo Borneo); các vùng biển gần (内沿) bao quanh Trung Quốc như Hoàng Hải, Hoa Đông hay biển Đông; các vùng biển ngoại biên (外沿) tiếp giáp với chuỗi đảo như nhất và khu vực bắc Thái Bình Dương.¹³ Có thể nhận thấy biển Đông đóng vai trò không thể thiếu trong chiến lược biển

⁹ Holmes, James and Yoshihara, Toshi, “A Chinese Turn to Mahan?”, *China Brief Volume: 9 Issue: 13*, Jamestown Foundation, 24/6/2009, http://www.jamestown.org/programs/chinabrief/single/?tx_ttnews%5Btt_news%5D=35172&tx_ttnews%5BbackPid%5D=414&no_cache=1#.VVMIGPRFJ24. Truy cập 13/5/2015.

¹⁰ Zhongming, Liu, “The Question of Sea Power in Geopolitical Theory”, Parts 1-3, *Ocean World*, May-July 2008.

¹¹ Holmes, James and Yoshihara, Toshi, *ttdd*.

¹² Đô đốc Lưu Hoa Thanh (刘华清) là chỉ huy hải quân Trung Quốc từ năm 1982 cho tới năm 1988 và là Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc từ 1988 đến 1997.

¹³ Li, Nan, “The Evolution of China’s Naval Strategy and Capabilities: From “Near Coast” and “Near Seas” to “Far Seas””, trong Phillip C. Saunders, Christopher Yung, Michael Swain, Andrew Nien-Dzu Yang

gần, là một bước đệm quan trọng để Trung Quốc có thể thực hành tác chiến biển xa trong tương lai. Thêm nữa, vào năm 2010, biển Đông, bên cạnh Tân Cương và Tây Tạng, đã được chính thức tuyên bố là một trong các “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc. Với hình dung như vậy, Bắc Kinh sẽ tận dụng tối đa tất cả các công cụ, đặc biệt là hải quân, để đảm bảo sự hiện diện và chủ quyền của mình tại khu vực biển đông.¹⁴

Với lý do đó, Trung Quốc đang tập trung hiện đại hoá Hạm đội Nam Hải, biến hạm đội này trở thành một trong những hạm đội hiện đại nhất quốc gia.¹⁵ Hạm đội Nam Hải hiện nay chủ yếu sở hữu các lớp tàu hệ mới nhất,¹⁶ bao gồm tàu ngầm tấn công hạt nhân lớp Thương, tàu ngầm hạt nhân mang tên lửa đạn đạo lớp Tấn, và hơn 29 tàu tấn công mặt nước hiện đại, chưa kể các tàu tấn công nhanh lớp Hồ Bắc.¹⁷ Hải quân Trung Quốc cũng tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng tại đảo Hải Nam, với hai căn cứ hải quân chính là Longpo và Yulin, biến đảo này thành một tổ hợp hải quân quan trọng.

Các hành vi gây hấn gần đây của Trung Quốc cũng có thể được giải thích một phần thông qua lăng kính của Alfred T. Mahan. Chiến lược “đảo hoá”, hay bản thân quá trình hiện đại hoá hải quân cho thấy xu hướng “kiểm soát mặt biển” (sea control) và “kiểm soát các điểm chiến lược” (choke point control) trong học thuyết quyền lực biển của Mahan. Để có thể kiểm soát mặt biển, cần phải gây dựng một lực lượng hải quân mạnh, sẵn sàng bảo vệ các khu vực biển mang tính chiến lược ảnh hưởng mạnh mẽ tới lợi ích quốc gia, đối với Trung Quốc là các “giá trị cốt lõi”.

2. Quyền lực biển trong lý thuyết của Mahan

Lý thuyết về quyền lực biển của Mahan áp dụng để giải thích sự trỗi dậy của các cường quốc hải dương từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19. Các đặc trưng kinh tế, xã hội và địa lý được ông phân chia làm sáu thành tố chính, được coi như những thành tố giúp định vị một quốc gia có phải là cường quốc biển hay không. Tuy nhiên, tác giả sẽ không đề cập chi

(biên tập), *The Chinese Navy: Expanding Capabilities, Evolving Roles*, Washington, D.C, National Defense University Press, 2011, trang 116.

¹⁴ Holmes, James and Yoshihara, Toshi, “Can China Defend a “Core Interest” in the South China Sea?”, *The Washington Quarterly*, 34:2, Spring 2011, trang 49-56.

¹⁵ Fravel, M. Taylor, “China’s Strategy in the South China Sea”, *Contemporary Southeast Asia*, Vol. 33, No. 3, 2011, trang 307-08.

¹⁶ Chang, Felix K., “China’s Naval Rise and the South China Sea: An operational Assessment”, *Foreign Policy Research Institute*, Winter 2012, <http://www.fpri.org/articles/2012/01/chinas-naval-rise-and-south-china-sea-operational-assessment>. Truy cập 15/5/2015.

¹⁷ McDonough, David, “Unveiled: China’s New Naval Base in the South China Sea”, *The National Interest*, 20/3/2015, <http://nationalinterest.org/blog/the-buzz/unveiled-chinas-new-naval-base-the-south-china-sea-12452>. Truy cập 15/5/2015.

tiết đến sáu thành tố này, mà đề cập đến những yếu tố khác trong lý thuyết của Mahan giúp làm rõ hơn chiến lược của hải quân Trung Quốc tại biển Đông.

Hệ thống của lý thuyết của Mahan không chỉ đề cập tới các thành tố của quyền lực biển, mà còn đề cập tới các cách thức giúp duy trì và triển khai sức mạnh trên biển: bao gồm “kiểm soát mặt biển” (command of the sea) và “sử dụng mặt biển” (use of the sea). “Kiểm soát mặt biển” đề cập tới các yếu tố quân sự, trong khi “sử dụng mặt biển” hướng về các yếu tố kinh tế. Cả hai bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, giúp một quốc gia có đầy đủ công cụ để khẳng định sức mạnh trên biển của mình. Trọng tâm vẫn là kiểm soát mặt biển, như Mahan đã khẳng định: “..., những cuộc đụng độ có thể chuyển hoá vì những lý do khác nhau, nhưng cuối cùng vẫn là kiểm soát cho được mặt biển”.¹⁸ Kiểm soát mặt biển là nhiệm vụ của hải quân, “không phải là việc bắt một vài con tàu riêng lẻ hay đoàn tàu vận tải, dù là đông, có thể làm lung lay sức mạnh quốc gia, mà sự vượt trội hơn hẳn đối thủ trên mặt biển, đủ sức đuổi hạm đội địch hay chỉ cho phép họ xuất hiện như những kẻ đang tháo chạy...”.¹⁹ Theo Mahan, *tranh giành quyền kiểm soát mặt biển* “mãi mãi vẫn là những tác nhân vĩ đại trong lịch sử thế giới”.

Yếu tố đầu tiên để “kiểm soát mặt biển” là một quốc gia phải sở hữu cho được một *lực lượng hải quân mạnh*. Trong toàn bộ các tác phẩm của mình, Mahan đều nhấn mạnh đến vai trò của lực lượng hải quân và chiến lược hải quân. Nói cách khác, hệ thống các lý thuyết của Mahan xoay quanh việc sử dụng lực lượng hải quân để bảo vệ các lợi ích về mặt thương mại và kinh tế của một quốc gia. “Chiến lược của hải quân có mục tiêu là thiết lập, ủng hộ và làm gia tăng, cả trong thời bình lẫn thời chiến, sức mạnh trên biển của một đất nước”.²⁰ Tất cả sáu thành tố sức mạnh biển mà Mahan đã đề cập cũng xoay quanh việc làm thế nào để có thể xây dựng được một lực lượng hải quân mạnh, dựa trên các lợi thế địa lý (giúp bố trí hải quân), con người (văn hoá, kinh nghiệm hải chiến), và chính sách (chính sách ưu tiên hải quân, đóng tàu...). Tóm lại, Alfred Thayer Mahan quan niệm “một quốc gia có sức mạnh biển thì sẽ trở thành một cường quốc hùng mạnh, và sức mạnh biển của một quốc gia chủ yếu được suy giản thành sức mạnh hải quân, tức là vào khía cạnh quân sự của quyền làm chủ trên biển”.²¹

¹⁸ Mahan, Alfred T., “Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783”, Phạm Nguyên Trường dịch, NXB Tri Thức, 2013, trang 37.

¹⁹ Mahan, Alfred T., tldd, trang 18.

²⁰ Mahan, Alfred T., tldd, trang 61.

²¹ Nguyễn Văn Dân, “Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia”, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011, trang 53.

Trong các tác phẩm của Mahan, ông cũng nhấn mạnh tới việc lực lượng hải quân phải luôn giữ *xu hướng tấn công*. Cũng vì xu hướng này mà nhiều lực lượng hải quân nước xanh trên thế giới sau này, kể cả của Hoa Kỳ, đã bỏ qua xu hướng phòng thủ, ví dụ như bảo vệ các đội tàu thương mại hay phòng chống thủy lôi.²² Mahan cũng cho rằng phòng thủ bờ biển chỉ mang lại các giá trị tối thiểu, hải quân không phải để dành cho một mục tiêu như vậy. Đối với vị chiến lược gia này, bảo vệ bờ biển là một yếu tố mang tính phòng thủ, trong khi lực lượng hải quân phải được sử dụng trong mục tiêu tấn công.²³ Ông cho rằng việc chỉ đóng ở cảng để làm nhiệm vụ phòng thủ khiến cho sức mạnh của cả một hạm đội bị lãng phí, đồng thời tác động tới tinh thần và kỹ năng của thủy thủ. Khi đó thì lực lượng hải quân đã từ bỏ thế mạnh của mình rồi.²⁴ Mahan viết rằng: “một lực lượng hải quân chỉ làm nhiệm vụ phòng thủ là hoàn toàn sai nguyên tắc, thực tế rằng đặc trưng của một lực lượng hải quân là di động, trong khi phòng thủ thụ động là đứng yên một chỗ”.²⁵

Yếu tố thứ ba trong các phương thức giúp tăng cường kiểm soát mặt biển chính là *kiểm giữ các thuộc địa ở nước ngoài*. Các thuộc địa vừa đóng vai trò quan trọng giúp quốc gia “khai thác mặt biển”, lại vừa có thể giúp hải quân tăng cường “kiểm soát mặt biển”. Thuộc địa tạo ra những điểm trú ẩn và tiếp tế cho những đội thuyền thương mại hay thuyền chiến hoạt động dài ngày trên biển. Ngoài ra, theo Mahan, “các trạm dừng chân trên đường hàng hải” nhiều khi mang “mục đích phòng thủ và chiến tranh”, đóng vai trò như các “các vị trí trọng yếu mang tính chiến lược”.²⁶ Nói tóm lại, khi quyền lực hải quân và thương mại của một quốc gia lan rộng ra khắp các vùng biển trên thế giới, thì việc thiết lập thuộc địa là điều hiển nhiên. Các thuộc địa và các điểm nút chiến lược giúp cho lực lượng hải quân có thể dễ dàng kiểm soát các đường hàng hải quan trọng, qua đó kiểm soát hoàn toàn mặt biển.

²² Vego, Milan, “Naval Classical Thinkers and Operational Art”, Joint Military Operations Department, The United States Naval War College, 2009, trang 3, <https://www.usnwc.edu/getattachment/85c80b3a-5665-42cd-9b1e-72c40d6d3153/NWC-1005-NAVAL-CLASSICAL-THINKERS-AND-OPERATIONAL.aspx>. Truy cập 18/5/2015.

²³ Crowl, Philip A., “Alfred Thayer Mahan: The Naval Historian”, in Peter Paret, editor, *Makers of Modern Strategy. From Machiavelli to the Nuclear Age*, Princeton University Press, Princeton, 1986, trang 458-59.

²⁴ Mahan, Alfred T., “Naval Strategy Compared and Contrasted with the Principles and Practice of Military Operations on Land”, Little, Brown and Company, Boston, 1911, trang 153.

²⁵ Mahan, Alfred T., “Naval Strategy Compared and Contrasted with the Principles and Practice of Military Operations on Land”, trang 132.

²⁶ Mahan, Alfred T., “Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783”, trang 68.

Ngày nay, kiểm soát mặt biển là xu hướng chủ đạo của hải quân Hoa Kỳ, lực lượng hải quân được đánh giá là đứng đầu thế giới. Trong ba yếu tố chính của “kiểm soát mặt biển” mà Mahan đã đề cập, có một số yếu tố đã lỗi thời và một số yếu tố vẫn còn mang giá trị chiến lược. Nếu nhìn trên bản đồ hiện nay, trong tổng số 192 quốc gia được Liên Hiệp Quốc công nhận, 148 nước tiếp giáp với biển. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hoá, vận tải hàng hải không dựa vào chỉ một công ty hay một quốc gia nào cả. Biển cả hiện tại không phải là độc quyền sở hữu của bất kỳ quốc gia nào, và chiến tranh hay các công cụ bạo lực hiện nay không phải là ưu tiên chính sách hàng đầu như trong thời kỳ trước đây. Vì vậy, quan điểm của Mahan về giữ vững “xu hướng tấn công” đã hoàn toàn lỗi thời. Với Mahan, hải quân phải tấn công và trong một trận chiến, tiêu diệt hoàn toàn hạm đội của địch là ưu tiên hàng đầu. Mục tiêu là không cho phép hải quân đối địch có thể gượng dậy, và qua đó kiểm soát mặt biển. Như Trung Quốc nhấn mạnh trong câu đầu tiên của Sách trắng Quốc phòng mới nhất của nước này rằng: “Hoà bình, phát triển, hợp tác và lợi ích chung đã là một làn sóng không thể cưỡng được của thời đại. Trong tương lai gần, một cuộc chiến tranh thế giới là điều không thể xảy ra, và tình hình quốc tế vẫn sẽ chủ yếu là hoà bình”.²⁷ Vì mục tiêu này, hải quân Trung Quốc sẽ dịch chuyển dần từ chiến lược “phòng thủ biển gần” (offshore waters defense) sang “bảo vệ các vùng biển xa” (open seas protection) với trọng tâm vẫn là nhấn mạnh vào phòng thủ một cách chủ động.²⁸

Yếu tố lỗi thời thứ hai trong các luận điểm của Mahan chính là *chiếm giữ các thuộc địa ở nước ngoài*. Thời kỳ thực dân và các cuộc chiến tranh giành độc lập đã trôi qua hơn nửa thế kỷ. Các cường quốc hiện tại, với ưu thế về tài chính và mạng lưới đồng minh, áp dụng lợi thế địa lý theo một cách thức khác. Hoa Kỳ chính là một ví dụ cụ thể. Hiện nay, nước Mỹ là cường quốc có sự hiện diện quân sự mạnh mẽ nhất trên thế giới.²⁹ Quân đội Hoa Kỳ có các căn cứ quân sự rải rác trên toàn thế giới mà không cần phải tiến hành xâm chiếm thuộc địa. Theo ước tính của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ năm 2013, nước này có 598 căn cứ quân sự ở nước ngoài, mà trong đó chủ yếu tập trung tại Đức, Nhật Bản và Hàn

²⁷ Johnson, Keith, “China’s Military Blueprint: Bigger Navy, Bigger Global Role”, *Foreign Policy*, 26/5/2015. <http://foreignpolicy.com/2015/05/26/chinas-military-blueprint-bigger-navy-bigger-global-role/>. Truy cập 27/5/2015

²⁸ Johnson, Keith, tldd.

²⁹ Lord, Carnes and Erickson, Andrew S., “Bases for America’s Asia Pacific Rebalance”, *The Diplomat*, 2/5/2014, <http://thediplomat.com/2014/05/bases-for-americas-asia-pacific-rebalance/>. Truy cập 27/5/2015.

Quốc.³⁰ Hoa Kỳ, thông qua mối quan hệ đồng minh và các hiệp ước được ký kết một cách tự nguyện với các nước khác, có khả năng mở rộng khả năng hiện diện quân sự khắp mọi nơi mà không cần sử dụng vũ lực. Điều này khác so với Mahan trong cách tiếp cận, nhưng về bản chất vẫn không thay đổi: cố gắng hiện diện tại các điểm nút chiến lược quan trọng. Vì thế, luận điểm của Mahan hiện tại có thể được giải thích theo cách khác: *xây dựng một mạng lưới liên minh rộng lớn*, giúp nhanh chóng dịch chuyển nguồn lực quân sự của mình ra bên ngoài.

3. Chiến lược hải quân của Trung Quốc tại biển Đông

Xuyên suốt trong lịch sử kể từ khi lập quốc vào năm 1949 cho đến nay, chiến lược hải quân của Trung Quốc đã qua hai lần thay đổi. Đi cùng với thay đổi về mặt chiến lược tất nhiên là những thay đổi về mặt bối cảnh, tác động cũng như năng lực thực sự của hải quân Trung Quốc (PLAN). Đầu tiên là sự thay đổi từ chiến lược “*phòng thủ gần bờ*” (near-coast defense) cho tới giữa thập kỷ 1980 được đổi thành “*phòng thủ chủ động tại các vùng biển gần*” (near-seas active defense), và sau đó cho đến giữa những năm 2000 là “*tác chiến biển xa*” (far-seas operations) mà “Chống xâm nhập/Từ chối tiếp cận” (Anti – Access/Area – Denial, viết tắt là A2/AD) chính là giai đoạn khởi đầu trong chiến lược mới nhất đó. Hướng đến của A2/AD về mặt tác chiến và kỹ thuật đối với Trung Quốc đơn giản là đẩy các mối đe dọa ra càng xa đất liền càng tốt, qua đó tạo ra sức mạnh phòng thủ cho các vùng biển, lãnh thổ và lợi ích của nước này³¹. Các nhân tố chủ yếu thúc đẩy những thay đổi trong chiến lược hải quân Trung Quốc xuất phát từ nhận thức của giới lãnh đạo về các mối đe dọa trước mắt cũng như lâu dài; năng lực thực sự của quân đội thông qua áp dụng khoa học công nghệ; mức độ hội nhập và độ mở của nền kinh tế và cuối cùng là vai trò cá nhân của các lãnh đạo dân sự lẫn quân sự Trung Quốc.³²

³⁰ Department of Defense, U.S., “Base Structure Report 2013”, http://www.acq.osd.mil/ie/download/bsr/Base%20Structure%20Report%202013_Baseline%2030%20Sept%202012%20Submission.pdf. Truy cập 28/5/2015.

³¹ Về căn bản, chiến lược hải quân hiện tại của Trung Quốc nhằm thực hiện 4 mục tiêu chính: (1) bảo vệ toàn vẹn thống nhất lãnh thổ, ở đây là nhắm vào Đài Loan; (2) bảo vệ chủ quyền quốc gia tại các tranh chấp lãnh hải xung quanh Trung Quốc (bao gồm các tranh chấp tại biển Đông và biển Hoa Đông là trọng tâm); (3) chống lại các mối đe dọa quân sự từ bên ngoài; và (4) bảo vệ các tuyến đường giao thương hàng hoá và năng lượng quan trọng trên biển vốn mang tính sống còn đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc.

³² Kể từ những năm 1980, sau khi nghiên cứu về các cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ tại Trung Đông, Việt Nam hay tại Ban Căng, quân đội Trung Quốc (PLA) đã dần nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ. Sự áp đảo về số lượng không còn là một yếu tố quyết định trên chiến trường, thay vào đó chất lượng công nghệ vũ khí mới chính là yếu tố chủ chốt. Hoa Kỳ với ưu thế về công nghệ quân sự đã dễ dàng làm chủ bầu trời và mặt biển, biến những chiến trường đó trở thành “sân nhà” và nhờ đó làm chủ được cả cuộc chiến.

Chiến lược hải quân của Trung Quốc hiện tại do đó cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của trường phái hiện thực chủ nghĩa vốn nổi lên trong giới học giả, quân đội và hoạch định chính sách ở Bắc Kinh kể từ năm 2009.³³ Cho tới hiện tại, có thể thấy đối thủ chính về mặt tác chiến hải quân của Trung Quốc chính là Hoa Kỳ, cường quốc hiện tại đang thống trị về mặt quân sự tại Châu Á – Thái Bình Dương.

Các chiến lược đề cập ở trên thay đổi theo nhận thức của giới lãnh đạo Trung Quốc về vai trò của biển và chiến lược biển. PLAN đã phát triển hai thuật ngữ khác nhau nhưng lại có quan hệ mật thiết với nhau: thứ nhất là *haiquan* (海权 - quyền và lợi ích trên biển) và thứ hai là *haifang* (海防 - phòng vệ biển).³⁴ Trong khi thuật ngữ thứ nhất nhấn mạnh các lợi ích về luật pháp và kinh tế, thì thuật ngữ thứ hai lại nhấn mạnh tới quân sự và quốc phòng. Tác giả Trung Quốc Ngưu Bảo Thành (牛宝成) trong một bài viết năm 2000 cho rằng Trung Quốc đang sở hữu góc nhìn tương đối hẹp về *haiquan*, bao gồm bảo vệ lợi ích của Trung Quốc tại các khu vực ven biển, các vùng biển gần cũng như khu vực EEZ.³⁵ Ngày nay, các yếu tố này đã được mở rộng hơn, bao gồm các tuyến đường hàng hải quốc tế và tại các vùng nước quốc tế. Yếu tố *haifang* cũng được mở rộng về mặt khái niệm vào giữa những năm 1990. Các học giả Trung Quốc cho rằng nước này không nên coi các vùng biển xung quanh là một “cái hào” đơn thuần được sử dụng để bảo vệ Trung Quốc đại lục nữa.³⁶ Nói tóm lại, vai trò của hải quân trong việc bảo vệ nền kinh tế Trung Quốc được mở rộng không chỉ ở các khu vực ven bờ biển, mà còn tại các khu vực biển cả rộng lớn hơn: các nhóm đảo tranh chấp, các vùng đặc quyền kinh tế nhiều tài nguyên, và các tuyến đường hàng hải quan trọng đối với nền kinh tế Trung Quốc.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và quá trình phụ thuộc lẫn nhau gia tăng nhanh chóng, hướng ra biển và trở thành một cường quốc biển trở thành trọng tâm trong việc giúp Trung Quốc đảm bảo lợi ích quốc gia. Để duy trì một tốc độ phát triển kinh tế cao, qua đó

Dựa trên sự kế thừa và phát huy các chiến lược trước đó cho phù hợp với tình hình mới, A2/AD được tiếp tục được nâng cấp và phát triển. Xem thêm Nan Li, “The Evolution of China’s Naval Strategy and Capabilities: From “Near Coast” and “Near Seas” to “Far Seas,”” trong *The Chinese Navy: Expanding Capabilities, Evolving Roles*, ed. Phillip C. Saunders et al, Washington. D.C, National Defense University Press, 2011, trang 109-110.

³³ Shambaugh, David, “Coping with a Conflicted China,” *The Washington Quarterly*, 34:1, 2011, trang 12-13.

³⁴ Fravel, M. Taylor and Liebman, Alexander, “Beyond the Moat: The PLAN’s Evolving Interests and Potential Influence,” trong *The Chinese Navy: Expanding Capabilities, Evolving Roles*, ed. Phillip C. Saunders et al, Washington. D.C, National Defense University Press, 2011, trang 42.

³⁵ 牛宝成 [Liu Bảo Thành], “从海权到军事海权” [Từ quyền lợi trên biển tới quyền lợi hải quân trên biển], *当代海军* [Tạp chí Hải quân Đương đại], no.S1,2000, trang 32.

³⁶ Fravel, M. Taylor and Liebman, Alexander, tđđ, trang 42.

giúp ổn định xã hội và củng cố quyền lực của mình, Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) phải duy trì một cách hiệu quả an ninh kinh tế và an ninh năng lượng. Các luồng ngoại thương cũng như các luồng dầu mỏ trên biển được coi là huyết mạch cung cấp đa phần “năng lượng” cho toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc. Một khi các huyết mạch này bị phong tỏa, toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc sẽ ngưng trệ và gây hệ quả tiêu cực tới ổn định và phát triển xã hội. Có thể thấy, các mục tiêu kinh tế là một phần quan trọng khiến cho lực lượng hải quân Trung Quốc ngày càng được đầu tư hiện đại hoá nhanh chóng. Như Mahan đã viết: “...sự cần thiết của lực lượng hải quân, theo nghĩa hẹp của từ này, xuất phát từ sự tồn tại của đội tàu vận tải dân sự và sẽ biến mất nếu người ta không còn vận tải theo đường biển nữa...”³⁷ Tuy hoạt động thương mại hiện đại đa dạng và phức tạp hơn rất nhiều, song vai trò đảm bảo an ninh của hải quân vẫn không thay đổi, thậm chí tầm quan trọng còn có thể tăng lên do các yếu tố mới như công nghệ và tầm quan trọng của thương mại gia tăng.

“*Tác chiến biển xa*” kế thừa và mở rộng một số nội dung của “*phòng thủ chủ động tại các vùng biển gần*”, mà tiêu biểu hơn cả chính là hai khái niệm địa lý “chuỗi đảo thứ nhất” kéo dài từ Nhật Bản (các quần đảo của Nhật ở phía nam như Okinawa, Senkaku), qua Đài Loan, Philippines và bao trùm hoàn toàn biển Đông và “chuỗi đảo thứ hai” kéo dài từ quần đảo Nhật Bản, đi qua quần đảo Northern Mariana, đảo Guam, quốc đảo Micronesia, Palau và kéo dài về phía nam xuống đảo Borneo, Indonesia. Hai khái niệm này được đưa ra lần đầu tiên vào giữa những năm 1980 và được thúc đẩy bởi Đặng Tiểu Bình và Nguyên Tư lệnh Hải quân Trung Quốc Lưu Thanh Hoa trong các bài viết của ông.³⁸ Cho tới hiện tại, giá trị chiến lược của cả hai chuỗi đảo này vẫn không thay đổi. “*Tác chiến biển xa*” đòi hỏi phải xây dựng được một lực lượng hải quân Trung Quốc hùng mạnh có khả năng tác chiến tại khu vực biển nằm ngoài Chuỗi đảo thứ nhất và tiến sát tới vòng ngoài của Chuỗi đảo thứ hai và thậm chí là xa hơn: một vùng biển rộng lớn kéo dài từ Tây Bắc Thái Bình Dương cho tới phía Đông Ấn Độ Dương.³⁹ Đây là bước tiếp nối chiến lược “*phòng thủ chủ động tại các vùng biển gần*” trước đây khi Hải quân Trung Quốc được yêu cầu hoạt động một cách hữu hiệu tại các vùng biển phía bên trong Chuỗi đảo thứ nhất (biển gần).

³⁷ Mahan, Alfred T., “Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783”, trang 68

³⁸ Li, Nan, t.lđđ, trang 116.

³⁹ Li, Nan, t.lđđ, trang 129.

Yếu tố làm chủ mặt biển của Mahan được nhận thức rõ ràng hơn thông qua phân tích quá trình phát triển chiến lược hải quân Trung Quốc như đã đề cập ở trên, đặc biệt là chiến lược “phòng thủ ở các vùng biển gần”. Trong các tài liệu công khai và các bài viết bàn về học thuyết quân sự của các chuyên gia Trung Quốc, PLA nhấn mạnh tầm quan trọng của cả tấn công lẫn phòng thủ, và cho rằng tấn công mang tầm quan trọng rất lớn.⁴⁰ Để có thể sở hữu một năng lực đủ mạnh, Trung Quốc sẽ không còn cách nào khác ngoài việc phải hiện đại hoá nhanh chóng lực lượng không quân và hải quân của mình. Đầu tư cho quân đội gia tăng nhanh chóng. Kể từ năm 1988, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc năm nào cũng tăng trên hai chữ số, và cho đến năm 2015 được dự đoán sẽ đạt tăng 10,1% so với năm 2014 đạt 141 tỷ USD, đứng thứ hai thế giới chỉ sau Hoa Kỳ.⁴¹ Trong năm 2014, chỉ tính riêng hải quân, Trung Quốc đã cho đóng mới và hạ thủy không dưới 60 tàu chiến mới và trong năm 2015, con số cũng là tương tự.⁴² Theo báo cáo của Cơ quan tình báo hải quân Hoa Kỳ (ONI), Trung Quốc đang cải thiện chất lượng của các loại vũ khí, tập trung vào tác chiến chống tàu mặt nước với các loại khu trục hạm, tuần dương hạm và tàu ngầm trang bị tên lửa có thể tấn công bên ngoài đường chân trời.⁴³ Ngoài ra, khả năng phòng không và chống ngầm hạm đội, vốn là một điểm yếu của hải quân Trung Quốc, cũng đang dần dần được cải thiện. Có thể thấy việc Trung Quốc không ngừng xây dựng và hiện đại hoá hải quân là phản ánh rõ ràng nhất một trong những yếu tố giúp kiểm soát mặt biển: sở hữu một lực lượng hải quân mạnh.

Trong vùng biển gần, các chiến thuật cũng là khác nhau đối với những đối tượng khác nhau. Có thể tạm chia khu vực biển bên trong Chuỗi đảo thứ nhất thành 2 phần: phần phía Bắc từ Đài Loan, đi qua biển Hoa Đông cho tới biển Hoàng Hải; và phần phía Nam từ Đài Loan xuống biển Đông. Khi đối đầu với một lực lượng hải quân hùng mạnh đứng hàng đầu châu Á như Nhật Bản, lại có Liên minh Mỹ - Nhật làm hậu thuẫn, Trung Quốc lựa chọn cách tiếp cận thận trọng hơn mặc dù thường là bên gây hấn trước. Hầu như tất

⁴⁰ Dean, Cheng, “Sea Power and the Chinese State: China’s Maritime Ambitions”, Backrounder No. 2576, 11/07/2011.

⁴¹ Reuters, “China to raise defense budget 10,1 pct this year in high-tech drive”, 5/3/2015, <http://www.reuters.com/article/2015/03/05/china-parliament-defence-idUSL4N0W704220150305>. Truy cập 19/5/2015.

⁴² Office of Naval Intelligence, “The PLA Navy: New Capabilities and Missions for the 21st Century”, 2015, trang 13, http://www.oni.navy.mil/Intelligence_Community/china_media/2015_PLA_NAVY_PUB_Print_Low_Res.pdf. Truy cập 27/5/2015.

⁴³ Office of Naval Intelligence, tldd.

cả các loại tàu chiến, tàu ngầm và máy bay tối tân nhất trong lực lượng PLAN đều tập trung tại các quân khu ven biển nhằm đối phó với liên minh quân sự Mỹ - Nhật.

Đối với các nước nhỏ hơn với tiềm lực quân sự chỉ ở mức trung bình, Trung Quốc lại áp dụng các biện pháp gây hấn quyết liệt và mạnh mẽ hơn. Bắc Kinh đã cưỡng chiếm hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa (1974) của Việt Nam, cũng như đánh chiếm một số bãi cạn tại Trường Sa (1988) nhằm mục tiêu không chế một bộ phận rất quan trọng trong Chuỗi đảo thứ nhất này. Đây là bước đầu tiên trong chuỗi các hành động nhằm chiếm lấy các điểm nút chiến lược, hay nói cách khác là chiến được các vị trí mang tính chiến lược bên trong khu vực chuỗi đảo thứ nhất.

Đồng thời với việc tăng cường sức mạnh của Hạm đội Nam Hải, một chiến thuật được Trung Quốc sử dụng rất thường xuyên trong thời gian gần đây chính là “chiến lược cải bắp” (cabbage strategy). “Chiến lược cải bắp” sử dụng nhiều lớp tàu khác nhau với mục tiêu “tằm ăn dâu” chủ quyền của những quốc gia khác nằm trong tranh chấp: lớp đầu tiên chính là các tàu cá; lớp thứ hai là các tàu bán quân sự của các lực lượng chấp pháp biển của các cơ quan mang tính dân sự⁴⁴; và cuối cùng mới là lực lượng hải quân chuyên nghiệp. “Chiến lược cải bắp”, cùng với A2/AD, giúp Trung Quốc kiểm soát một cách hữu hiệu hơn chủ quyền cũng như các nút thắt chiến lược như Hoàng Sa hay Trường Sa tại vùng phía Nam của Chuỗi đảo thứ nhất.

Việc đưa vào hoạt động tàu sân bay Liêu Ninh cũng phần nào để thực hiện mục tiêu đó, khi bản thân Liêu Ninh được biên chế vào Hạm đội Nam Hải phụ trách khu vực biển Đông. Tuy nhiên chỉ một mình Liêu Ninh thôi là chưa đủ, “*phòng thủ chủ động tại các vùng biển gần*” đòi hỏi PLAN phải thiết lập các căn cứ hậu cần hay các “thành phố hải quân” nhằm duy trì hậu cần cũng như bảo đảm tác chiến cho các nhóm chiến đấu quy mô nhỏ. Việc này sẽ được đảm bảo bằng cách xây dựng những căn cứ hải quân trên bờ hay xa bờ có khả năng chỉ huy kiểm soát, phòng thủ chủ động, đóng quân và neo đậu, hỗ trợ kỹ thuật hay thậm chí là giúp quân nhân giải trí.⁴⁵ Các căn cứ như vậy đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo duy trì một khả năng kiểm soát lâu dài và rộng lớn tại khắp các vùng biển trong Chuỗi đảo thứ nhất, và làm cơ sở để PLAN mở rộng sang Chuỗi đảo thứ hai.

⁴⁴ International Crisis Group, “Stirring Up the South China Sea”, *Asia Report* No. 223, 23.4.2012, <http://www.crisisgroup.org/~media/Files/asia/north-east-asia/223-stirring-up-the-south-china-sea-i.pdf>. Truy cập 20.9.2014.

⁴⁵ Li, Nan, tldđ, trang 130.

“Chuỗi ngọc trai trên biển” đi kèm với khái niệm “con đường tơ lụa trên biển” mà Trung Quốc đang tích cực quảng bá và xây dựng chính là minh chứng rõ nét nhất cho bước đi này. Hai khái niệm này là giống hay khác nhau sẽ có nhiều cách diễn giải, do “chuỗi ngọc trai” về thực chất do một học giả Hoa Kỳ đưa ra trước tiên vào năm 2005.⁴⁶ Trung Quốc có thể đã sử dụng thuật ngữ “con đường tơ lụa trên biển” như là một cách để mềm hoá khái niệm “chuỗi ngọc trai” vốn khiến các nước khác lo ngại về khả năng bành trướng sức mạnh quân sự của mình.⁴⁷ Chính vì thế, “chuỗi ngọc trai” hay “con đường tơ lụa trên biển” có thể mang hai mục đích khác nhau nhưng hỗ trợ cho nhau, cũng hoàn toàn phù hợp với hai khái niệm *haiquan* và *haifang*. Các cảng biển trong chuỗi ngọc trai cùng lúc sẽ gia tăng các lợi ích thương mại và năng lượng cho Trung Quốc, đồng thời cũng sẽ được tận dụng nhằm làm căn cứ hậu cần hay tiếp liệu cho PLAN.

Việc Trung Quốc bắt đầu chiến dịch “đảo hoá” tại Trường Sa trong thời gian gần đây, nếu đặt trong tổng thể như trên, sẽ trở nên rõ ràng hơn về mặt chiến lược. Với việc xây dựng các căn cứ có người ở, có thể cho phép máy bay cất hạ cánh trên các đường băng dài như trên đất liền mang lại lợi thế kiểm soát rất lớn cho PLAN tại khu vực phía nam biển Đông, khi tàu sân bay Liêu Ninh vẫn đang trong quá trình thử nghiệm chạy thử.⁴⁸ Trung Quốc đã và đang mở rộng 5 trên 9 thực thể địa lý mà nước này chiếm đóng tại Trường Sa (gồm đá Gaven; đá Tư Nghĩa; đá Gạc Ma; đá Châu Viên; đá Chũ Thập), trong đó Bắc Kinh đang xây dựng một đường băng dài 3.000 mét tại Chũ Thập. Học giả Alexander Vuving đã đánh giá việc Trung Quốc mở rộng đảo như đang chơi một ván cờ vây, mà mục tiêu cuối cùng không gì khác ngoài mở rộng kiểm soát hoàn toàn khu vực biển Đông.⁴⁹ Hai trong ba yếu tố chính mà Vuving đề cập như là trọng tâm của chiến dịch đảo hoá là: kiểm soát được hầu hết các điểm chiến lược và biến những vị trí đó thành như trọng điểm hậu cần và căn cứ giúp triển khai sức mạnh hiệu quả.⁵⁰

⁴⁶ Xem “China builds up strategic sea lanes”, The Washington Times, 17.1.2005, <http://www.washingtontimes.com/news/2005/jan/17/20050117-115550-1929r/>. Truy cập 20.9.2014.

⁴⁷ Shannon Tiezzi, *The Maritime Silk Road Vs. The String of Pearls*, The Diplomat, 13.2.2014, <http://thediplomat.com/2014/02/the-maritime-silk-road-vs-the-string-of-pearls/>. Truy cập 20.9.2014.

⁴⁸ Xem “China plans artificial island in disputed Spratlys chain in South China Sea”, South China Morning Post, 8/7/2014, <http://www.scmp.com/news/china/article/1527059/china-plans-artificial-island-disputed-spratlys-chain-south-china-sea>, Truy cập 20/9/2014.

⁴⁹ Vuving, Alexander, “China’s Grand-Strategy Challenge: Creating Its Own Islands in the South China Sea”, *Tha National Interest*, 8/12/2014, <http://nationalinterest.org/feature/chinas-grand-strategy-challenge-creating-its-own-islands-the-11807>. Truy cập 20/5/2015

⁵⁰ Vuving, Alexander, tldd.

Tựu chung lại, chiến lược hải quân của Trung Quốc, mà đặc biệt là chiến lược “phòng thủ tại các vùng biển gần” mang một số yếu tố căn bản của học thuyết Mahan. Thứ nhất, nhiệm vụ của hải quân Trung Quốc đã được mở rộng, từ bảo vệ bờ biển sang bảo vệ các vùng biển gần, hướng tới bảo vệ các tuyến đường biển thương mại trên biển cả. Nói cách khác, giữa thương mại hàng hải và lực lượng hải quân có mối liên hệ khăng khít như những gì mà Mahan đã đề cập. Thứ hai, để có thể đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình, hải quân Trung Quốc, nhất là hạm đội Nam Hải, được tăng cường hiện đại hoá cả về mặt kỹ chiến thuật và vũ khí. Thứ ba, chiến lược biển gần của Trung Quốc hiện tại ở biển Đông, như đã phân tích, là dành quyền kiểm soát hoàn toàn trên thực tế, đặc biệt là tại khu vực Trường Sa và phần phía nam biển Đông. Tuy nhiên, rõ ràng lý thuyết của Mahan đã không thể giải thích một cách đầy đủ những gì mà Trung Quốc đang làm hiện nay.

4. Những điểm cần bổ sung qua lăng kính của Mahan

Các quan điểm của Mahan trở nên nổi tiếng từ cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, thời kỳ mà các loại tàu hơi nước vẫn đang thống trị mặt biển. Hiện tại, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá thế kỷ 21, một số yếu tố mà Mahan đã đề cập hoặc là đã lỗi thời, hoặc chưa xuất hiện trong khoảng thời gian đó. Tại biển Đông, có thể kể tới ba thiếu sót trong học thuyết của Mahan. Thứ nhất là sự nổi lên của tàu ngầm và lực lượng không quân, vốn là những loại vũ khí có khả năng thay đổi chiến trường; thứ hai là sự xuất hiện của các lực lượng chấp pháp biển bán quân sự bao gồm tàu cá và các lực lượng tuần duyên; và thứ ba là sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ.

Tác chiến dưới lòng biển và trên không trong thời kỳ Mahan là những khái niệm hoàn toàn mới, hoặc chưa xuất hiện. Trong các tác phẩm của Mahan hầu như không đề cập gì tới vai trò cũng như sức mạnh tác chiến của hai loại binh chủng tàu ngầm hay không quân hải quân. Ngày nay, hai loại binh chủng này là lực lượng nòng cốt của hải quân bất kỳ cường độ nào quốc nào, tạo thành thế kiểm soát ba chiều trên biển (không quân – tàu mặt nước – tàu ngầm). Đó là chưa nói tới hệ thống phòng thủ tên lửa bờ khiến cho việc đổ bộ hay tấn công bờ biển gặp nhiều khó khăn hơn.

Nói một cách ngắn gọn, tác chiến dưới lòng biển là chiến thuật sử dụng tàu ngầm hay các hệ thống vũ khí khác trong các nhiệm vụ quân sự dưới mặt nước. Các nhiệm vụ này có thể là phòng thủ hay tấn công bao gồm do thám, sử dụng lực lượng đặc biệt hay phá huỷ,

vô hiệu hoá lực lượng kẻ thù hoặc các công trình dưới biển.⁵¹ Còn lực lượng không quân hải quân đóng vai trò như “tai và mắt” của các hạm đội tàu chiến; tiến hành chiến tranh chống ngầm và thực hiện các nhiệm vụ tấn công, phòng thủ hay hỗ trợ khác. Các biên đội tác chiến tàu sân bay hiện nay được coi biểu tượng của sức mạnh quốc gia, là phương tiện giúp các cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ, có thể triển khai quân đội của mình ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Rõ ràng, sự xuất hiện của tàu ngầm và máy bay làm thay đổi hoàn toàn cách thức mà lực lượng hải quân tiến hành chiến tranh trên biển. Lực lượng tàu ngầm và không quân hải quân sẽ khiến cho việc bao vây, hay tấn công trở nên linh hoạt và đa dạng hơn, nhưng sẽ vẫn không thay đổi được vai trò quan trọng của các tàu chiến mặt nước. Tầm quan trọng của các nguyên lý chiến lược mà Mahan đặt ra, về vai trò của địa lý hay kiểm soát của các điểm nút chiến lược, là không thay đổi. Nhưng các chiến thuật riêng rẽ để có thể đạt được các mục tiêu chiến lược sẽ thay đổi, với tốc độ triển khai chiến dịch nhanh hơn nhiều so với thời đại của Mahan. Tại biển Đông, một vùng biển kín và nông rộng một triệu km², vai trò của tàu ngầm và không quân hải quân lại càng nổi bật. Cuộc đua vũ trang tàu ngầm là một ví dụ rất cụ thể cho yếu tố này. Việt Nam gần đây đã chi 2 tỷ USD đặt mua 6 tàu ngầm Kilo từ Nga. Malaysia cũng đã xây dựng một căn cứ tàu ngầm trên đảo Borneo, còn Trung Quốc thì cũng đã mở một căn cứ ngầm trong lòng núi tại Hải Nam để neo đậu các tàu ngầm hạt nhân tiên tiến lớp Tấn của Hạm đội Nam Hải.⁵² Nhập khẩu vũ khí của các quốc gia như Indonesia, Malaysia và Singapore đã gia tăng lần lượt 84%, 146% và 722% kể từ năm 2000, và số tiền này được chủ yếu chi tiêu để hiện đại hoá hải quân cũng như không quân.⁵³

Một đặc điểm chiến lược nữa khác với quan điểm của Mahan mà các quốc gia như Việt Nam hay Trung Quốc đang sử dụng hiện nay: các lực lượng chấp pháp biển bán quân sự như các lực lượng bảo vệ nghề cá hay cảnh sát biển. Ở Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia duy nhất có một cơ chế dân quân biển chính thức. Lực lượng dân quân biển (một phần của lực lượng dân quân tự vệ) vốn là một trong ba bộ phận của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Về phía Trung Quốc, lực lượng chấp pháp biển của nước này

⁵¹ Clark, Bryan, “The Emerging Era in Undersea Warfare”, Center for Strategic and Budgetary Assessments.

⁵² Federation of American Scientists, “New Chinese SSBN Deploys to Hainan Island”, 24/4/2008, <http://fas.org/blogs/security/2008/04/new-chinese-ssbn-deploys-to-hainan-island-naval-base/>. Truy cập 23/5/2015.

⁵³ Kaplan, Robert D., “Asia’s Cauldron: The South China Sea and the End of a Stable Pacific”, Random House, New York, 2014, trang 19.

đa dạng và có sức mạnh đáng kể. Hiện tại có tám cơ quan hàng hải không trực thuộc các đơn vị của hải quân Trung Quốc. Trong đó, lực lượng tài hải giám thuộc Cơ quan Giám sát hàng hải nhà nước (CMS) và đội tàu ngư chính thuộc Cơ quan Thi hành luật Thủy sản (FLC) là hai cơ quan có thực lực tương đối lớn. Các biên đội tàu hải giám hay ngư chính xuất hiện rất thường xuyên tại các khu vực mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền hay các khu vực tranh chấp. Sự kiện dàn khoan HD-981 khi Bắc Kinh triển khai hơn 100 tàu hải giám và hải cảnh chính là minh chứng rõ ràng cho yếu tố này. Lực lượng dân quân biển làng Đàm Môn ở Hải Nam cũng được coi là một lực lượng nổi tiếng, được đánh giá là lực lượng tiên phong trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Trung Quốc và là hình mẫu cho lực lượng dân quân biển ở các địa phương khác.⁵⁴

Mahan cho rằng chiến lược hải quân chủ yếu xoay quanh vai trò của lực lượng hải quân chính thống, và phải giữ xu hướng luôn luôn tấn công. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện quốc tế hiện nay, việc luôn giữ xu hướng tấn công là không phù hợp khi mọi tranh chấp đều phải được giải quyết bằng các biện pháp hoà bình. Các lực lượng chấp pháp bán quân sự hay dân quân biển sẽ đóng vai trò thay thế cho hải quân, giúp bảo vệ chủ quyền, kiểm soát lãnh hải đồng thời làm giảm nguy cơ xung đột. Đây chính là điểm khác biệt căn bản so với lý thuyết của Mahan. Việc không mang các loại vũ khí “nóng” khiến cho các lực lượng chấp pháp này trở thành công cụ hữu hiệu, giúp cho Trung Quốc thực hiện thành công chiến thuật “tầm thực” chủ quyền của các quốc gia khác.

Yếu tố cuối cùng được xét tới là yếu tố khoa học công nghệ, một yếu tố luôn luôn thay đổi. Trong thời kỳ của Mahan, các lực lượng hải quân đang dịch chuyển từ thời kỳ thuyền buồm sang kỷ nguyên của tàu hơi nước. Yếu tố công nghệ thay đổi khiến cho một số chiến thuật cũng phải thay đổi theo, nhưng Mahan lại cho rằng “điều kiện tác chiến và vũ khí thay đổi, nhưng để có thể đương đầu với điều kiện tác chiến và sử dụng thành công vũ khí ta phải tôn trọng những bài học bất biến của lịch sử trong chiến thuật của chiến trường hoặc trong những chiến dịch lớn của chiến tranh được đưa vào trong thuật ngữ rộng lớn hơn gọi là chiến lược”.⁵⁵

Nhận xét trên của Mahan chưa hẳn đã là chính xác, đặc biệt trong bối cảnh khoa học công nghệ thay đổi một cách chóng mặt như hiện nay. Sự thay đổi của yếu tố công nghệ

⁵⁴ Erickson, Andrew S., Kenedy, Conor M., “Tanmen Militia: China’s “Maritime Rights Protection” Vanguard, *The National Interest*, 6/5/2015, <http://www.nationalinterest.org/feature/tanmen-militia-china%E2%80%99s-maritime-rights-protection-vanguard-12816>. Truy cập 23/5/2015.

⁵⁵ Mahan, Alfred T., “Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783”, trang 44.

hoàn toàn có thể đủ sức thay đổi luôn cả chiến lược tác chiến, đặc biệt khi nó có liên quan tới các vấn đề quân sự. Chẳng hạn, sự phát triển của các loại máy bay không người lái (UAV) hay công nghệ rô-bốt khiến cho Hoa Kỳ đã phải dần dần nghiên cứu một học thuyết riêng cho vấn đề này.⁵⁶ Ở biển Đông, đây là yếu tố quan trọng cần phải được cân nhắc khi hoạch định bất cứ chiến lược hải quân nào. Sự phát triển nhanh và mạnh của các công nghệ như do thám, ra-đa, tác chiến điện tử hay an ninh mạng khiến cho môi trường tác chiến thay đổi hoàn toàn so với thời kỳ của Mahan. Điều này biến công nghệ trở thành một yếu tố không thể thiếu trong việc định hình nên một chiến lược hải quân phù hợp.

⁵⁶ Dự án 20YY Warfare của Trung tâm An ninh Hoa Kỳ mới (Centre for a New American Security). Xem tại <http://www.cnas.org/research/us-defense-policy-and-military-operations/20yy-warfare-initiative>

Tài liệu tham khảo

1. 牛宝成[Lưu Bảo Thành], “从海权到军事海权” [Từ quyền lợi trên biển tới quyền lợi hải quân trên biển], *当代海军* [Tập chí Hải quân Đương đại], no.S1,2000,
2. Chang, Felix K., “China’s Naval Rise and the South China Sea: An operational Assessment”, *Foreign Policy Research Institute*, Winter 2012.
3. Cheng, Dean, “Sea Power and the Chinese State: China’s Maritime Ambitions”, *The Heritage Foundation*, 11/7/2011.
4. China’s Daily, “习近平在中共中央政治局第八次集体学习时强调: 进一步关心海洋认识海洋经略海洋推动海洋强国建设不断取得新成就” [Chủ tịch Tập Cận Bình tại Hội nghị tập huấn của Bộ Chính trị Đảng cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh: Thúc đẩy sự nghiệp xây dựng cường quốc hải dương không ngừng đạt được thành tựu mới], August 1, 2013.
5. Clark, Bryan, “The Emerging Era in Undersea Warfare”, Center for Strategic and Budgetary Assessments.
6. Crowl, Philip A., “Alfred Thayer Mahan: The Naval Historian”, in Peter Paret, editor, *Makers of Modern Strategy. From Machiavelli to the Nuclear Age*, Princeton University Press, Princeton, 1986.
7. Nguyễn Văn Dân, “Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia”, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.
8. Dean, Cheng, “Sea Power and the Chinese State: China’s Maritime Ambitions”, Backrouder No. 2576, 11/07/2011.
9. Department of Defense, U.S., “Base Structure Report 2013”.
10. Erickson, Andrew S., Kenedy, Conor M., “Tanmen Militia: China’s “Maritime Rights Protection” Vanguard, *The National Interest*, 6/5/2015.
11. Fravel, M. Taylor and Liebmen, Alexander, “Beyond the Moat: The PLAN’s Evolving Interests and Potential Influence,” trong *The Chinese Navy: Expanding Capabilities, Evolving Roles*, ed. Phillip C. Saunders et al, Washington. D.C, National Defense University Press, 2011.
12. Holmes, James and Yoshihara, Toshi, “A Chinese Turn to Mahan?”, *China Brief Volume: 9 Issue: 13*, Jamestown Foundation, 24/6/2009.
13. Holmes, James and Yoshihara, Toshi, “Can China Defend a “Core Interest” in the South China Sea?”, *The Washington Quaterly*, 34:2, Spring 2011.

14. International Crisis Group, “Stirring Up the South China Sea”, *Asia Report* No. 223, 23.4.2012.
15. Johnson, Keith, “China’s Military Blueprint: Bigger Navy, Bigger Global Role”, *Foreign Policy*, 26/5/2015.
16. Kaplan, Robert D., “Asia’s Cauldron: The South China Sea and the End of a Stable Pacific”, Random House, New York, 2014.
17. Li, Nan, “The Evolution of China’s Naval Strategy and Capabilities: From “Near Coast” and “Near Seas” to “Far Seas””, trong Phillip C. Saunders, Christopher Yung, Michael Swain, Andrew Nien-Dzu Yang (biên tập), *The Chinese Navy: Expanding Capabilities, Evolving Roles*, Washington. D.C, National Defense University Press, 2011.
18. Lord, Carnes and Erickson, Andrew S., “Bases for America’s Asia Pacific Rebalance”, *The Diplomat*, 2/5/2014
19. Mahan, Alfred T., “Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783”, Phạm Nguyên Trường dịch, NXB Tri Thức, 2013.
20. Mahan, Alfred T., “Naval Strategy Compared and Contrasted with the Principles and Practice of Military Operations on Land”, Little, Brown and Company, Boston, 1911.
21. McDonough, David, “Unveiled: China’s New Naval Base in the South China Sea”, *The National Interest*, 20/3/2015.
22. Martinson, D. Ryan, “Jinglue Haiyang: The Naval Implications of Xi Jinping’s New Strategic Concept”, *China Brief Volume: 15, Issue: 1*, The Jamestown Foundation, 9/1/2015.
23. Office of Naval Intelligence, “The PLA Navy: New Capabilities and Missions for the 21st Century”, 2015
24. Reuters, “China to raise defense budget 10,1 pct this year in high-tech drive”, 5/3/2015.
25. Shambaugh, David, “Coping with a Conflicted China,” *The Washington Quarterly*, 34:1, 2011.
26. Shannon Tiezzi, *The Maritime Silk Road Vs. The String of Pearls*, The Diplomat, 13.2.2014
27. Shiliang, Jiang, “The Command of Communications”, *Zhongguo Junshi Kexue*, 2/10/2002.

28. Vego, Milan, “Naval Classical Thinkers and Operational Art”, Joint Military Operations Department, The United States Naval War College, 2009.
29. Vuving, Alexander, “China’s Grand-Strategy Challenge: Creating Its Own Islands in the South China Sea”, *The National Interest*, 8/12/2014.
30. Wang, Dong, “The Evolution of China’s Concept of Sea Power and Maritime Strategy”, bài trình bày tại the *Maritime Security Challenge Conference*, Victoria, Canada, 2014.
31. Xinhua News, “Xi advocates efforts to boost China’s maritime power”, 31/7/2013.
32. Zhongming, Liu, “The Question of Sea Power in Geopolitical Theory”, Parts 1-3, *Ocean World*, May-July 2008.